TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 28/8/2017
"V/v Tranh chấp hôn nhan và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tặng

Ông: Nguyễn Thanh Toàn

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Tô Hoài – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2017/TLST - HNGĐ ngày 26/6/2017 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2017/QĐXX- ST ngày 27/7/2017 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Anh Đinh Xuân B.

Trú tại: Thôn K, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt).

-*Bị đơn:* Chị Cao Thị T.

Trú tại: Thôn K, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 06/6/2017 nguyên đơn Đinh Xuân B trình bày giữa anh và chị Cao Thị T đã đăng ký kết hôn ngày 04/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T,

huyện M, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc thương yêu nhau để xây dựng gia đình và đã có với nhau hai người con chung. Thời gian chung sống sau đó hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, anh B và chị T đã sống ly thân, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy anh B làm đơn ly hôn yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu Đinh Quốc V sinh ngày 17/5/2010 và cháu Đinh Hữu N sinh ngày 21/3/2012. Sau khi ly hôn nguyện vọng của anh B là muốn được nuôi dưỡng cả hai người con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 500.000 đồng một tháng.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã thụ lý vụ án theo yêu cầu của anh B. Anh B có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành triệu tập để lấy lời khai nhiều lần nhưng chị T vắng mặt không có lý do. Toà án đã đến tại cơ sở và xác minh thì biết được chị T hiện đang làm ăn ở các tỉnh phía Nam, khi đi chị T không cắt tạm trú, tạm vắng và cũng không khai báo lại địa chỉ cụ thể nơi chị T sinh sống cho chính quyền địa phương. Việc chị T không đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện thái độ không hợp tác với Tòa án, cố tình giấu địa chỉ, nên căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay chị T có mặt, chị T nhất trí được ly hôn với anh B và đề nghị Toà án cho chị trực tiếp nuôi 01 con chng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Toà án và đề nghi giải quyết vụ án: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị: Xử cho anh B, chị T ly hôn; giao 02 con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và buộc chị T nộp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000, đồng cho mỗi cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Đinh Xuân B và chị Cao Thị T đã đăng ký kết hôn ngày 04/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị không thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của anh B xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, anh B có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt, chị T cố tình dấu địa chỉ, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều

227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Đinh Xuân B được ly hôn với chị Cao Thị T.

[2] Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là các cháu Đinh Quốc V sinh ngày 17/5/2010 và cháu Đinh Hữu N sinh ngày 21/3/2012 vì từ khi chị T bỏ đi hơn 03 năm, hai cháu được anh B nuôi dưỡng chăm sóc. Xử buộc chị Cao Thị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con một tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) một cháu cho đến khi mỗi cháu tròn 18 tuổi. Tổng cộng số tiền chị T phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) một tháng.

[3] Tài sản chung và khoản vay chung: Không có nên miễn xét.

[4] Án phí: Anh Đinh Xuân B và chị Cao Thị T có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc diện hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội khoá 14, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Xuân B được ly hôn với chị Cao Thị T.

2. Về con chung: Giao giao anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là các cháu cháu Đinh Quốc V sinh ngày 17/5/2010 và cháu Đinh Hữu N sinh ngày 21/3/2012. Buộc chị Cao Thị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con một tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) một cháu cho đến khi mỗi cháu tròn 18 tuổi. Tổng cộng số tiền chị T phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) một tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 8/2017.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Miễm toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Đinh Xuân B và chị Cao Thị T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/8/2017); nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã T để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VSND huyện Minh hóa**;**
-Toà án ND tỉnh Quảng Bình;
-C.C thi hành án DS Minh hóa;
-Nguyên đơn, bị đơn ;
-UBND xã T;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Thanh Quang